

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2025

“Về tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Phong
2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết B, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 2 ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 4 Ô khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, nguyên đơn là bà Trần Thị Tuyết B trình bày: bà B và ông Nguyễn Thanh V tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận ĐKKH số 53 ngày 31/3/2006. Sau khi cưới bà B và ông V hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông V không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Nhiều lần bà B tìm việc làm cho ông V, động viên ông V đi làm để có tiền chi tiêu cuộc sống gia đình nhưng ông V không muốn đi làm, bà B khuyên thì ông V đi làm được vài hôm là nghỉ, bà B góp ý nhiều lần nhưng ông V không thay đổi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Nay bà

B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà B xin ly hôn với ông V. Về con chung: bà B và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhật N, sinh ngày 03/02/2006 và Nguyễn Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2011, con Nguyễn Trần Nhật N đã trưởng thành khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, con Nguyễn Trần Quốc K hiện đang sống với bà B, khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An phát biểu quan điểm: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Tuyết B xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh V vì vậy xác định tranh chấp giữa bà B và ông V là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bà B có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông V đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà B và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông V được xác lập vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới bà B và ông V chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà B, Tòa án đã thông báo cho ông V biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà B và ông V giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông V không tham gia. Bà B kiên quyết xin ly hôn với ông V điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà B và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà B.

[3] Về con chung: bà B và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhật N, sinh ngày 03/02/2006 và Nguyễn Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2011, con Nguyễn Trần Nhật N đã trưởng thành khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, con Nguyễn Trần Quốc K hiện đang sống với bà B, khi ly hôn bà B yêu

cầu được nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện con chung đang ở với bà B, nên giao con cho bà B nuôi dưỡng để ổn định tâm lý con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà B phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết B đối với ông Nguyễn Thanh V.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Giao bà B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2011, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông V có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết B phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009218 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Tuyết B đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết B, bị đơn ông Nguyễn Thanh V vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy